

Bản án số: 146/2020/DS-ST
Ngày: 30/9/2020
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Bảy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Ngọc Lan.
2. Bà Lê Ngọc Như Chi.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2020/TLST- DS ngày 26/6/2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2020/QĐXXST-DS ngày 28/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2020/QĐ-HPT ngày 14/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Đường C, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Thành T, sinh năm 1987.
Theo văn bản ủy quyền số 366/UQ-QLN.20 ngày 15/5/2020.
Địa chỉ: Đường C, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Đương sự có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Trần Linh P, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đường B, Phường Q, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng X (viết tắt là X) có ông Châu Thành T đại diện trình bày:

Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của ông Phạm Trần Linh P ký ngày 10/4/2014 với X và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của X, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 4791382600047705 ngày 10/4/2014 cho ông Phạm Trần Linh P với hạn mức thẻ: 20.000.000 đồng, hiệu lực thẻ đến tháng 04/2017, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của X.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Phạm Trần Linh P đã không thanh toán đầy đủ cho X theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 24/9/2018, Ngân hàng đã thực hiện chuyển khoản nợ thẻ của ông P sang nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn, đồng thời ra thông báo chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ đối với toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của ông P tại X.

Tính đến ngày 30/9/2020, ông Phạm Trần Linh P còn nợ X số tiền: 37.213.244 đồng, trong đó nợ gốc: 21.597.048 đồng, lãi quá hạn: 15.616.196 đồng. Ngoài ra ông Phạm Trần Linh P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của X, tính từ ngày 30/9/2020 cho đến ngày trả hết nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn X, có ông Châu Thành T yêu cầu:

- Ông Phạm Trần Linh P thanh toán số tiền (tính đến ngày 30/9/2020) là: 37.213.244 đồng, trong đó nợ gốc: 21.597.048 đồng, lãi quá hạn: 15.616.196 đồng. Ngoài ra, ông P phải thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của X cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Phạm Trần Linh P: Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Phạm Trần Linh P vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm này, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 của Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Cần buộc các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng X thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng do bị đơn cư trú tại Quận S, nên theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn ông Phạm Trần Linh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 10/4/2014 kèm theo Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng X với ông Phạm Trần Linh P, với các điều khoản chính sau:

Chủ thẻ, là cả chủ thẻ chính và tất cả Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm liên đới đối với tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản, do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có hóa đơn được ký hay chứng từ khác; Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo; Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Ngày 24/9/2018, Ngân hàng X đã thông báo chuyển số nợ vay còn thiếu là 21.597.048 đồng sang nợ quá hạn, kèm theo tiền lãi, phí phát sinh. Các tình tiết trên đây đã được Tòa

án thông báo đến bị đơn nhưng đương sự không có ý kiến phản hồi nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết trên là sự thật.

Xét trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng lập ngày 10/4/2014 và theo Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì tính đến ngày 24/9/2018 cho đến nay ông Phạm Trần Linh P đã không đóng tiền lãi, phí và trả nợ gốc cho Ngân hàng X là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, ông Phạm Trần Linh P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến ngày 30/9/2020 cho Ngân hàng X, cụ thể như sau: nợ gốc: 21.597.048 đồng, lãi quá hạn: 15.616.196 đồng và số tiền lãi quá hạn được tính tiếp cho ông P từ ngày 01/10/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng X theo mức lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

3. Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

Đối với các khoản tiền vay của Tổ chức ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán xong khoản nợ gốc này. Nên ông P còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng X không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp

Ông Phạm Trần Linh P phải chịu án phí trên tổng số tiền thanh toán cho Ngân hàng X theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm a điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X

Buộc ông Phạm Trần Linh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ phát sinh từ việc giao dịch thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 10/4/2014 giữa Ngân hàng X và ông Phạm Trần Linh P tính đến ngày 30/9/2020 là: 37.213.244 đồng, trong đó nợ gốc: 21.597.048 đồng, lãi quá hạn: 15.616.196 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngày khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

3. Về án phí: Ông Phạm Trần Linh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.860.662 (một triệu tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng.

- Ngân hàng X không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 852.359 đồng theo biên lai thu tiền số 0010355 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Bảy